

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 29/4/2022
V/v “TC HĐ mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Gia.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Tâm và ông Lương Tấn Nghị.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2022 tại Trụ sở TAND huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2021/TLST-KDTM ngày 31/12/2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 8/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hợp tác xã HP

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Ngọc T**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc HTX HP;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Trọng H**, chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát và ông **Nguyễn Văn N**, chức vụ: Kiểm soát viên HTX HP (theo Giấy ủy quyền ngày 13/12/2021). Đều có mặt.

2. Bị đơn: Hộ gia đình T, do bà T, sinh năm 1967 làm người đại diện. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Nguyễn Văn M, sinh năm 1964; vắng mặt.

3.2 Nguyễn Quốc H, sinh năm 1994; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 01/11/2019, Hợp tác xã HP (viết tắt HTX) ký hợp đồng “Đại lý phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của HTX” với hộ gia đình bà T (không đăng ký kinh doanh) do bà T làm đại diện, gồm các thành viên: Nguyễn Văn M, T và Nguyễn Quốc H; nội dung hợp đồng: Hộ bà T có trách nhiệm nhận vật tư phân bón và thuốc bảo vệ thực vật tại kho của HTX, đại lý có trách nhiệm bán hết cho thành viên trong HTX, thu tiền và nộp lại cho HTX, đại lý được HTX trả tiền công; thời gian hợp đồng là 12 tháng (từ ngày 01/11/2019 đến 01/10/2020), thời gian nộp tiền là cuối vụ thu hoạch lúa dứt điểm ngoài đồng ruộng và HTX thông báo quy định thời gian nộp tiền, đại lý có trách nhiệm nộp đủ tiền đã nhận vật tư phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của HTX, nếu quá thời gian quy định theo như Thông báo mà đại lý còn nợ thì coi như vi phạm Hợp đồng và tiến hành xử lý hợp đồng theo nội quy, quy định của HTX. Hai bên có thỏa thuận về việc chậm thanh toán tiền thì bên đại lý phải chịu lãi phát sinh với lãi suất 1%/tháng. Tính đến ngày 10/12/2021 hộ gia đình bà T còn nợ HTX tổng số tiền là 804.631.500đ (trong đó: số tiền gốc là 688.821.500đ và tiền lãi là 115.810.000đ). HTX nhiều lần đòi nợ nhưng hộ bà T không chịu trả nợ nên HTX khởi kiện yêu cầu hộ gia đình bà T thanh toán đủ số nợ nêu trên cho HTX, mức lãi suất theo thỏa thuận giữa hai bên.

Bị đơn T (đại diện Hộ gia đình) trình bày: Tôi thừa nhận có đại diện hộ gia đình và có ký kết hợp đồng làm đại lý phân bón và thuốc bảo vệ thực vật với HTX; còn nợ tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/12/2021 như đại diện HTX đã trình bày nêu trên là đúng. Tôi thống nhất hộ gia đình chúng tôi phải trả đủ nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn M và Nguyễn Quốc H: Đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt nên không có ý kiến.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày: Ngày 14/4/2022, hộ gia đình bị đơn T có thanh toán cho HTX 200.000.000đ. Trừ tổng số tiền nợ lãi tính đến ngày này là 137.393.000đ; số tiền còn lại 62.607.000đ được trừ vào nợ gốc. Ngày 26/4/2022, hộ bà T tiếp tục trả nợ gốc 20.000.000đ. Như vậy, nợ gốc còn $(688.821.500đ - 62.607.000đ - 20.000.000đ) = 606.214.500đ$. Tính đến ngày xét xử 29/4/2022, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tổng nợ gốc 606.214.500đ và nợ lãi phát sinh trên nợ gốc từ 15/4 đến 29/4/2022 là 9.310.000đ; đối với khoản tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm được tính 1%/tháng/tổng nợ gốc, yêu cầu kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn thừa nhận tổng số nợ gốc và lãi như trình bày của đại diện nguyên đơn và chấp nhận trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng hiện nay chưa có tiền để trả.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa. Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đến lần thứ hai nhưng không có lý do đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và qua tranh luận tại phiên tòa đề nghị HĐXX căn cứ Điều 430, 433, 440, 468 Bộ luật dân sự; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn hộ gia đình bà T gồm bà T, ông Nguyễn Văn M và anh Nguyễn Quốc H cùng có trách nhiệm trả tổng số tiền 615.524.500đ (Trong đó, nợ gốc 606.214.500đ và nợ lãi 9.310.000đ) về khoản: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hợp đồng đại lý mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật giữa HTX với hộ gia đình bà T (không có đăng ký kinh doanh); bản chất là giao dịch dân sự về việc mua bán hàng hóa, vì chưa đủ điều kiện theo quy định tại 30 BLTTDS nên không thuộc loại án kinh doanh thương mại. Do đó, HĐXX xác định lại quan hệ “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” thuộc loại án dân sự quy định tại Điều 26 BLTTDS;

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan M và H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nên HĐXX xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn HTX chỉ yêu cầu bị đơn (hộ gia đình bà T gồm bà T, ông M và anh H) cùng có nghĩa vụ trả tổng số tiền tính đến ngày 29/4/2022 là: 615.524.500đ (Trong đó, nợ gốc 606.214.500đ và nợ lãi 9.310.000đ) về khoản Tranh chấp hợp đồng mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật theo hợp đồng hai bên đã ký ngày 01/11/2019. Bị đơn (do bà T đại diện hộ gia đình) thừa nhận có ký hợp đồng, còn nợ nguyên đơn tổng số nợ gốc, lãi nêu trên là đúng và cam kết hộ của bà sẽ trả đủ nợ cho nguyên đơn. Lời khai thừa nhận của bị đơn là chứng cứ không cần phải chứng minh và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có tài hồ sơ vụ án, phù hợp quy định pháp luật, nên HĐXX ghi nhận.

[2.2] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn M và Nguyễn Quốc H: Đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi gì, nên HĐXX không xét.

[3] Đối với khoản tiền lãi phát sinh 1%/tháng/tổng nợ gốc sau ngày xét xử sơ thẩm: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn tự nguyện không tính lãi đến ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[4] Án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 30, 147, 228 BLTTDS; các Điều 101, 103, 430, 433, 440 và 468 BLDS; Điều 13, 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã HP;

Buộc hộ bà T (gồm bà T, ông Nguyễn Văn M và anh Nguyễn Quốc H) cùng có trách nhiệm trả đủ tổng số tiền tính đến ngày 29/4/2022 là: **615.524.500đ** (Trong đó, nợ gốc **606.214.500đ** và nợ lãi **9.310.000đ**) về khoản Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền nợ phải trả thì còn phải chịu thêm tiền lãi với lãi suất 1%/tháng/tổng số tiền nợ gốc còn lại tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí: Bị đơn hộ bà T (gồm bà T, ông Nguyễn Văn M và anh Nguyễn Quốc H) cùng có trách nhiệm phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **28.620.000đ**.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Hợp tác xã HP 8.069.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số 0002160 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Cao Gia